TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2018/HS-ST
Ngày: 15-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Thanh Quyên
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Vân – Cán bộ hưu trí;
  Ông Đỗ Văn Ngôn – Cán bộ hưu trí;
- Thư ký phiên tòa: Đoàn Thị Thúy Nga – Thư ký TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
- Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Khoa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 97/2017/HSST ngày 15/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 01/2018/QĐXXST – HS ngày 02/01/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình N (tức Th) -** sinh năm 1995;
STQ: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12
Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam
Con ông: Nguyễn Đình T - Sinh năm: 1968. Nghề nghiệp: Làm ruộng.
Con bà: Trần Thị T – Sinh năm 1974. Nghề nghiệp: Làm ruộng.
Vợ: Lâm Thị Huyền Tr – Sinh năm 1998 (Chưa đăng ký kết hôn). Nghề nghiệp: Công nhân.
Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2015.
Đều trú quán: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
Anh chị em ruột: Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ nhất.
Tiền án, tiền sự: Không
Nhân thân: Tại bản án số 06/2014 /HSST ngày 24/01/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 27/02/2014.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2017. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Hoàng Thị Ph – Sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn T, xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Đoàn Cảnh Phương N – Sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Thân Ngọc Ch – Sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Đỗ Thị H – Sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Hà Thị T – Sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn D – Thị trấn B – huyện V – tỉnh Bắc Giang.

Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng

1. Chị Hà Thị T - sinh năm 1983(Vắng mặt)

Trú quán: Thôn D- TT B – huyện V – tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn H- xã H- huyện V- tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Đỗ Xuân B - sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn P – xã H- huyện V- tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Đỗ Thị H- sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Trú quán: Thôn P – xã H- huyện V- tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3 năm 2017, thấy khu vực ngã ba vị trí từ đường Quốc lộ số 37 đi thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang (giáp Công ty H, thuộc khu công nghiệp Đ, huyện V) có đông người dân tự phát đến bán các loại hàng hóa phục vụ cho công nhân. Để có tiền chi tiêu cá nhân, N đã tự ý đứng ra mở bãi trông giữ xe, thuộc phần đất hành lang giao thông do nhà nước quản lý, sát mặt đường bê tông, từ QL 37 đi thôn H, không được các cấp chính quyền địa phương cho phép. Sau đó N thỏa thuận với một số người đến bán hàng tại ngã 3 này đưa xe mô tô vào bãi trông giữ xe của N, N tự ý đặt ra mức thu cho các phương tiện đến gửi theo ngày hoặc theo tháng. Việc trông giữ xe N thỏa thuận miệng mà không có hợp đồng hay phiếu vé trông giữ xe với người gửi xe. Trong số những người đến bán hàng tại khu vực nêu trên có chị Hoàng Thị P, sinh năm 1987 ở thôn T, xã Tr, huyện V. Thời gian ban đầu khi N mới mở bãi trông giữ xe, chị P thỏa thuận gửi xe vào bãi trông xe của N vào tháng 3 và tháng 4 năm 2017, nhưng sau đó chị thấy N không thường xuyên có mặt tại bãi trông xe, lại không có hợp đồng và phiếu trông giữ xe, cùng việc N nâng mức thu tiền trông giữ xe từ 100.000 đồng một tháng lên mức thu 150.000 đồng một tháng, nên sang đầu tháng 5/2017, chị không gửi xe mô tô vào bãi giữ xe của N nữa. Biết chị P không gửi xe nhưng N vẫn đến địa điểm chị P bán hàng để thu tiền trông xe, để buộc chị P phải tiếp tục gửi xe vào bãi trông giữ xe của N và nhằm răn đe những người khác đã gửi xe cho N trông giữ, nhưng nay không muốn gửi xe nữa, cụ thể:

Khoảng 18 giờ ngày 05/6/2017, N đi nhờ xe mô tô của người đi đường đến khu vực trông giữ xe, trên đường đi N gặp Đoàn Cảnh Phương N, sinh năm 1982, ở thôn

H2, xã H, huyện Việt Yên đi 01 xe mô tô chở Thân Ngọc Ch, sinh năm 1990 ở thôn K, xã M, huyện V. Sau đó N và Ch điều khiển xe mô tô đi cùng xe mô tô mà N đi nhờ đến địa điểm chị Hoàng Thị P đang bán hàng tạp hóa tại ngã 3 đường QL 37, lối đi vào thôn Hoàng Mai 3, khi đến nơi N yêu cầu chị P nộp tiền trông giữ xe tháng 5/2017 cho N là 150.000 đồng. Do đầu tháng 5/2017 chị P không gửi xe mô tô vào bãi trông xe của N, nên chị bảo N: "chị không gửi xe và không có tiền do mới lấy hàng", lúc này N và Châu có mặt tại đây cùng với N, nhưng không biết việc N đến đòi tiền trông xe của chị P, nên cả N và Ch không có lời nói hay hành động gì đe dọa chị P. Khi nghe chị P nói vậy, N đi ra chỗ để xe mô tô biển kiểm soát 98B1- 318.80 của chị P, (cạnh 01 mương nhỏ phía sau nơi chị P bán hàng), thấy dây trạc dứa màu vàng, đang có ở xe mô tô, N buộc một đầu dây trạc vào giá đèo hàng của xe, đầu dây còn lại N buộc vào 01 viên gạch để ở mặt đất cách bánh sau xe mô tô của chị P khoảng 0,5 mét. Buộc xong viên gạch N quay lại tỏ thái độ bức xúc nói với chị P "nay không có tiền nộp thì đừng có mang xe về" và bảo "chị không được xê dịch viên gạch, nếu tháo viên gạch thì đừng có trách", sau đó N, N và Ch bỏ đi.

Đến thời điểm dọn hàng về nhà khoảng 19 giờ cùng ngày, chị P do sợ N đã có lời nói đe dọa như trên, nên không dám đến lấy xe mô tô, mà chị gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 ở thôn H, xã H là người quen biết, nói có việc nhờ anh giúp, sau đó ít phút anh H đi xe mô tô ra, chị P nói lại nội dung N giữ xe của chị và nhờ anh H ra lấy xe giúp. Anh H đến vị trí xe của chị P tháo viên gạch, dắt xe mô tô đến trước địa điểm chị P bán hàng, để chị có xe đóng hàng về nhà, rồi anh ra về.

N sau khi buộc gạch vào xe mô tô của chị P và có lời nói đe dọa chị, rồi bỏ đi. Khoảng 30 phút sau N quay lại, thấy xe mô tô của chị P đã được dắt từ vị trí N buộc viên gạch đến rìa đường phía trước, nơi chị P bán hàng và thấy chị P đang chuẩn bị đóng hàng lên xe để về nhà, lúc này N đến dắt xe mô tô của chị P sang bên đường đối diện, chếch chéo ra đường QL 37, cách địa điểm chị P bán hàng khoảng 10 mét rồi nói với chị P: "nay không nộp tiền trông xe, thì không cho xe về". Thấy N nói to và có thái độ hung hãn, sợ bị N phạt tiền, cùng việc lúc này đã tối mà không có xe chở hàng về nhà, buộc chị P phải hỏi vay chị Hà Thị T, sinh năm 1983, ở thôn D, thị trấn B, huyện V (là chị gái chồng chị P), đang bán hàng tạp hóa bên đường đối diện địa điểm chị P bán hàng, số tiền 150.000 đồng, để đưa cho N. Sau khi lấy được tiền nêu trên của chị P N đã bỏ đi, sau đó đã sử dụng số tiền trên để ăn tiêu cá nhân hết.

Sau khi bị N cưỡng đoạt 150.000 đồng, ngày 25/6/2017 chị P có đơn trình báo Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang. Ngày 04/7/2017, N đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú về hành vi cưỡng đoạt tài sản ngày 05/6/2017 của chị Hoàng Thị P.

Tại bản cáo trạng số 03/KSĐT ngày 15/12/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố Nguyễn Đình N ra trước Toà án nhân dân huyện Việt Yên để xét xử về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 135 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo Nguyễn Đình N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không oan, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình là sai, bị cáo rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa được công bố lời khai. Bị cáo không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình N phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản ".

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1,2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình N từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 04/7/2017.

Bị cáo làm nghề tự do, sống chung với bố mẹ, không có tài sản nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Hoàng Thị P không yêu cầu bị cáo N phải trả chị số tiền 150.000đ và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản thiệt hại nào nên về trách nhiệm dân sự không xem xét trong vụ án này.

Ngoài ra cần áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Đình N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian tháng 3 và tháng 4 năm 2017, Nguyễn Đình N thỏa thuận trông giữ xe cho chị Hoàng Thị P, sinh năm 1987 ở thôn T, xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc Giang, bán hàng tạp hóa tại ngã 3 vị trí từ đường Quốc lộ số 37 đi thôn H, xã H, huyện V (giáp Công ty H, thuộc khu công nghiệp Đ, huyện V), nhưng do N giữ xe bất hợp pháp và thu tiền giữ xe cao, nên tháng 5 và đầu tháng 6 năm 2017, chị P không gửi xe, nhưng ngày 05/6/2017 N vẫn ra địa điểm chị P bán hàng tạp hóa nêu trên, yêu cầu chị phải nộp tiền trông giữ xe tháng 5 năm 2017. Do chị P không nộp tiền, nên N có hành vi buộc gạch vào xe mô tô và đe dọa để cưỡng đoạt của chị 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

[2] Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Đình N đã cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản". Bị cáo đã có hành vi buộc gạch vào xe và đe dọa chị P để chiếm đoạt số tiền 150.000 đồng nên đã phạm vào khoản 1 Điều 135 BLHS. Do vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 135 BLHS là hoàn toàn có căn cứ.

[3]Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 27/2/2014.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra bị cáo còn tự nguyện ra đầu thú. Do vậy cần áp dụng điểm p khoản 1,2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, điều luật đã viện dẫn. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã có 01 lần bị đưa ra xét xử và cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình mà tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội.

Do bị cáo không có nghề nghiệp, ở chung với bố mẹ và không có tài sản nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Bị cáo đang bị tạm giam nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo công tác thi hành án.

[8] Ngoài ra trong vụ án này còn có các chị Hà Thị T (là chị gái chồng chị P) và chị Đỗ Thị H, sinh năm 1978, ở thôn P, xã H, huyện V, hai chị có lời khai ban đầu với Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang về việc do N yêu cầu nộp tiền trông giữ xe vào các tháng đầu năm 2017, lúc đầu hai chị không đồng ý, nhưng đã nộp tiền cho N. Sau đó hai chị xét thấy khi N đến thỏa thuận trông giữ xe, do thấy mặt đường bê tông bán hàng chật hẹp, sợ bị mất xe mô tô, nên đã đồng ý gửi xe cho N trông giữ xe. Nay hai chị có lời khai đề nghị với Cơ quan điều tra về việc không yêu cầu N phải trả lại số tiền mà N đã thu do trông giữ xe, xét thấy đây là quan hệ dân sự nên Cơ quan điều tra không đề cập giải quyết là có căn cứ.

Trong quá trình điều tra vụ án xác định các anh Đoàn Cảnh Phương N và Thân Ngọc Ch do quen biết N và đi cùng với N vào ngày 05/6/2017, đến quán bán hàng tạp hóa của chị Hoàng Thị P ở khu vực ngã 3 từ đường QL 37 đi thôn H, xã H, huyện V như đã nêu trên, nhưng hai anh không được N trao đổi, bàn bạc gì trước về việc cưỡng đoạt tiền của chị P và khi đến quán bán hàng của chị P anh N và anh Ch cũng không có lời nói hay hành động gì giúp sức cho N cưỡng đoạt số tiền 150.000 đồng của chị P, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với người điều khiển xe ô tô mà N đi nhờ đến quán bán hàng của chị P ngày 05/6/2017 để thực hiện hành vi phạm tội, do là người đi đường nên N không nhớ đã đi nhờ xe của ai, cùng đặc điểm xe mô tô và biển kiểm soát xe, nên Cơ quan điều tra không xác định được người mà N đi nhờ xe mô tô.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị P không yêu cầu bị cáo N phải hoàn trả chị số tiền 150.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho chị. Do vậy, về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo.Việc vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Ngoài ra cần áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 136; các Điều 331,332,333 Bộ luật tố tụng hình sự để buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình N (Th) phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1,2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Đình N **12 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 04/7/2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 136, các Điều 331,332,333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Đình N phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1 b);
- VKSND huyện Việt Yên(2b);
- T.H.A.(4 b);
- Lưu HS.VP (1 b);
- Công an huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên